ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 160/KH-UBND	*Đại Đồng, ngày 01 tháng 7 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Dự toán ngân sách Khoa học, Công nghệ, Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số năm 2027 trên địa bàn xã Đại Đồng

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Công văn số 4194/BKHCN-KHTC ngày 16/6/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch và dự toán ngân sách KH,CN, ĐMST, CĐS năm 2027;

Thực hiện Công văn số 3810/UBND-KGVX ngày 23/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc xây dựng Kế hoạch và dự toán ngân sách KH,CN, ĐMST, CĐS năm 2027, Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng xây dựng Kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027 trên địa bàn xã như sau:

Phần I
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH,CN, ĐMST&CĐS NĂM 2026

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐMST&CĐS NĂM 2026 (Tính đến hết tháng 6/2026)

1. Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ

1.1. Phát triển chính quyền số

a) Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành

Trong 6 tháng đầu năm, việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước ngày càng được nâng lên, đã và đang mang lại hiệu quả tích cực, qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị xã cơ bản đã linh hoạt trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành, triển khai công việc. 100% cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ lãnh đạo quản lý đã ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành công việc; thực hiện các thao tác giao nhiệm vụ theo phân cấp phân quyền trên hệ thống điều hành và quản lý văn bản. Ngoài ra, để thuận tiện, cán bộ

lãnh đạo quản lý và CCVC nói chung trong toàn xã đã lập, tham gia các nhóm Zalo công việc chung theo ngành, lĩnh vực phụ trách (trừ văn bản mật theo quy định), nhằm kịp thời nắm bắt thông tin, trao đổi công việc, giúp xử lý công việc kịp thời gian. Trong giới hạn cho phép, nhiều cán bộ, công chức, viên chức đã linh hoạt vận dụng trí tuệ nhân tạo AI, CHATGPT, NotebookLM,... để tham khảo, xử lý trong công việc chuyên môn.

b) Tỷ lệ ban hành văn bản điện tử (ký số), chữ ký số, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng

Trong 6 tháng năm 2026, 100% văn bản của UBND xã được ký số, phát hành trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật theo quy định). Xã đã thực hiện cung cấp thông tin đầy đủ trên môi trường mạng theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Tỷ lệ thực hiện chữ ký số cá nhân của các đồng chí lãnh đạo quản lý đạt 100% (tính tại thời điểm hiện tại, trừ văn bản mật theo quy định). 100% văn bản của các đơn vị trường học đều được ký số, phát hành trên môi trường mạng (qua hệ thống phần mềm quản lý và điều hành); tỷ lệ xử lý hồ sơ trên nền tảng số của cán bộ, công chức, viên chức (cả viên chức Giáo dục) đạt 100%, như: xử lý công việc, nhiệm vụ hàng ngày được gia trên môi trường điện tử (xin ý kiến, trình ký, phân luồng công việc, giáo án số, kế hoạch dạy học số, học bạ số, hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức số,...). Theo kết quả đánh giá, xếp hạng của UBND tỉnh về tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử của xã Đại Đồng như sau:

Tính từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/5/2026 đạt 90,15%, đứng thứ 13/104 xã, phường. Tính từ ngày 01/6/2026 đến hết ngày 19/6/2026 đạt 95,7%, đứng thứ 20/104 xã, phường. Trong 06 tháng đầu năm 2026, UBND xã đã đề nghị cấp hòm thư Email công vụ cho tổng số 75 cán bộ, công chức, viên chức (bao gồm cả viên chức của Trạm Y tế xã và Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng xã) Đã đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, Ban cơ yếu Chính phủ cấp mới, gia hạn, thay đổi thông tin cho tổng số 50 cán bộ, công chức, viên chức (bao gồm cả viên chức của Trạm Y tế xã và Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng xã).

c) Sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung

Các cơ quan nhà nước trên địa xã tiếp tục triển khai, ứng dụng hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung như: Phần mềm văn bản quản lý và điều hành, Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, Hệ thống báo cáo chính phủ… Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như: CSDL quốc gia về dân cư, Tư pháp - hộ tịch, nội vụ, văn hóa, đất đai, đăng ký kinh doanh, bảo trợ xã hội… đảm bảo ứng dụng và kết nối liên thông với Cổng dịch vụ công quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ, ngành, tỉnh triển khai. Sử dụng kịp thời, hiệu quả thư điện tử công vụ (Email) trong hoạt động quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ hàng ngày.

Đối với lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: đã sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý nhân sự PMIS, quản lý thư viện VEMIS, phần mềm công tác absn trú, quản lý kế toán, quản lý thông kê EMIS, phần mềm phổ cập giáo dục, phần mềm tuyển sinh, phần mềm "Trường học kết nối", phần mềm Enetviet, phần mềm Micosoft Teams 365, phần mềm Vnedu, phần mềm "Học liệu số đa phương tiện - Digibooks", ứng dụng liên lạc điện tử,...

Cổng thông tin điện tử xã tiếp tục hoạt động hiệu quả, đã kịp thời cung cấp, đăng tải tin, bài, các văn bản chỉ đạo, điều hành của Đảng ủy - Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, trong đó bao gồm các mục: Thông tin tuyên truyền; Tin tức - Sự kiện; Chuyển đổi số; Cải cách hành chính; Bầu cử; Văn bản ban hành. Trong quý 1 năm 2026, ngoài việc đăng tải các thông tin, văn bản về tình hình hoạt động của các lĩnh vực chính trị, văn hóa, kinh tế, y tế, giáo dục,... Cổng thông tin điện tử xã đã phát huy tốt vai trò đăng tải, tuyên truyền về cuộc Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2026-2031. Trong ba tháng đã đăng tải trên 30 tin, bài và trên 200 văn bản, trong đó có tới sấp xỉ 60 tin, bài, văn bản về bầu cử.

UBND xã đã chỉ đạo Công an xã tiếp tục tập trung thực hiện Đề án 06 (theo ngành dọc giao nhiệm vụ) và các nhiệm vụ chuyên môn khác về chuyển đổi số, theo đó tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến đạt 100%; đã triển khai thực hiện chiến lược phát triển dữ liệu và quy hoạch tổng thể hạ tầng trung tâm dũ liệu ngành, chú trọng tháo gỡ điểm nghẽn, xây dựng, kết nối, chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu Công an nhân dân; đã triển khai hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông Công an xã; thực hiện đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật. Tiếp tục hướng dẫn công dân đủ từ 14 tuổi trở lên trong toàn xã kích hoạt định danh điện tử (VNeID) mức độ 2; tập trung hướng dẫn, hỗ trợ, cung cấp định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 cho công dân tích hợp giấy tờ, nhằm thuận tiên trong việc giao dịch, thực hiện thủ tục và nộp hồ sơ trực tuyến của công dân; đã kích hoạt định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 được 82%.

Hoạt động của Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã:

- Hoàn thành việc tích hợp, cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia với 452 TTHC cấp xã đã được UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết và tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia (bao gồm cả các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Công an).

- Đã cấu hình và thiết lập tài khoản cho 100% cán bộ, công chức thuộc UBND xã trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Hưng Yên phục vụ cho việc tiếp nhận và giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp.

- Đảm bảo duy trì và cung cấp 25 dịch vụ công thiết yếu đã tích hợp trên cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Từ ngày 10/9/2025 đảm bảo 100% TTHC được thực hiện không phụ

thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Kết quả cụ thể: Đến ngày 31/5/2026 tổng số hồ sơ tiếp nhận tại Trung tâm phục vụ HCC là 9.060 hồ sơ, trong đó:

- Số hồ sơ trực tuyến là 8.357, tỉ lệ 92,24%;

- Số hồ sơ đã giải quyết 8.885 hồ sơ;

- Tỷ lệ số hóa kết quả là 98,6%.

- Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ: 99,7%.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia đạt 99,27%.

Việc triển khai chính quyền số tại xã Đại Đồng đã có những bước tiến đáng kể, như: giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện chất lượng dịch vụ công, quản lý dữ liệu và quản lý hành chính hiệu quả hơn; người dân được hưởng lợi từ các dịch vụ công tiện ích, dễ dàng tiếp cận thông tin và giải quyết các thủ tục hành chính nhanh, gọn, hiệu quả; việc công khai, minh bạch dữ liệu và giải quyết thủ tục hành chính công bằng, hiệu quả sẽ góp phần nâng cao chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

1. 2. Phát triển kinh tế số

a) Ứng dụng công nghệ trong sản xuất kinh doanh

UBND xã đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn đẩy mạnh tuyên truyền về hoạt động khoa học công nghệ, kinh tế số, nhấn mạnh sự khuyến khích doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đổi mới mô hình kinh doanh trong phát triển kinh tế số, đẩy mạnh ứng dụng linh hoạt công nghệ số, quản trị số để tạo ra các giá trị mới, có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường, đảm bảo tính phù hợp với nhu cầu của khách hàng, vận dụng nền tảng kết nối với khách hàng ở bất cứ nơi đâu, kết nối người bán và người mua thông qua nền tảng công nghệ số. Trong thời gian qua, tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể vận dụng các nền tảng công nghệ để bán hàng, có sự đổi mới mô hình kinh doanh trong hoạt động kinh doanh số. Một số mô hình sản xuất, chăn nuôi bước đầu đã và đang tiếp nhận, ứng dụng công nghệ hiệu quả, như: Hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ Xuân Đào, chuyên trồng các loại hoa, cây dược liệu, cây cảnh, trong đó có sản phẩm hoa cúc chi đã ứng dụng công nghệ sấy khô, đóng gói, in nhãn mác, bảo quản; Hợp tác xã Sen Việt Hưng, đạt tiêu chuẩn VIETGAP, đã ứng dụng công nghệ sấy khô, công nghệ bảo quản, chế biến hạt sen. Hợp tác xã dược liệu Sầm Khúc, chuyên về dược liệu, đã ứng dụng công nghệ sinh học trong sấy khô và bảo quản sản phẩm; Trang trại nuôi gà thịt Sầm Khúc, chuyên cung cấp gà thịt ra thị trường, đã ứng dụng công nghệ về chăn nuôi gà, về bảo quản thức ăn chăn nuôi; mô hình nuôi cua đồng, nuôi cá trắm đen ở Phả Lê, đã ứng dụng công nghệ chăn nuôi và bảo quản thức ăn chăn nuôi; mô hình sản xuất rượu Hải Tửu ứng dụng công nghệ nấu, bảo quản, đóng chai và rán nhãn mác sản phẩm, làng nghề đúc đồng Lộng Thượng ứng dụng công nghệ đúc khuôn, phủ

bóng, nhãn mác thương hiệu sản phẩm. Thời gian tới, xã dự kiến đầu tư hỗ trợ cho các mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất như: Mô hình nuôi cá trắm đen thương phẩm theo hướng VietGrap, Chăn nuôi gà ri thương phẩm an toàn sinh học, thâm canh cua đồng thương phẩm...

b) Hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tham gia xây dựng và phát triển môi trường thương mại điện tử

Hiện nay, thực trạng môi trường thương mại điện tử của Việt Nam nói chung và của xã Đại Đồng nói riêng là đã và đang phát triển khá mạnh mẽ, tốc độ tăng trưởng khá cao nhờ sự bùng nổ của thương mại điện tử di động, sự ứng dụng công nghệ thông minh và hình thức thanh toán không dùng tiêng mặt. Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng cao, nhiều doanh nghiệp, cá nhân và hộ kinh doanh trong xã đã và đang tham gia hoạt động thương mại điện tử trên một số sàn giao dịch và chủ yếu trên các nền tảng mạng xã hội (zalo, facebook,...). 100% doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể khi xuất hóa đơn giao dịch đều là hóa đơn điện tử.

UBND xã đã chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm dịch vụ Văn hóa - Xã hội tập trung, lồng ghép tuyên truyền tới các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn xã tham gia chương trình SMEdx, sử dụng nền tảng số, sử dụng hợp đồng điện tử, nộp thuế điện tử,... trong các hoạt động kinh doanh.

Việc xây dựng và phổ cập thanh toán điện tử là một trong các nhiệm quan trọng trong xây dựng và phát triển kinh tế số của xã Đại Đồng. Chính vậy, từ việc cụ thể hóa các nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, UBND xã đã xác định, việc tuyên truyền, xây dựng và phổ cập thanh toán điện tử tới doanh nghiệp và người dân là một trong các nhiệm vụ cần kíp, là xu thế tất yếu trong thời đại số, từ đó đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn không chỉ tăng cường tuyên truyền mà còn phổ cập tới đông đảo người dân và doanh nghiệp về việc thanh toán điện tử. Thời gian qua, việc thanh toán điện tử trên địa bàn xã đang ngày càng phổ biến, sự phát triển nhanh chóng của các giao dịch trực tuyến, hình thức quét mã thanh toán được doanh nghiệp và người dân áp dụng rộng rãi, ước khoảng 90% người dân, công ty, doanh nghiệp đã dần bỏ đi thói quen thanh toán tiền mặt, chuyển sang hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

1. 3. Phát triển xã hội số

Đã thực hiện hiệu quả việc tuyên truyền, hướng dẫn, vận động người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trong đó chú trọng tính tiện lợi, gọn gàng, tiết kiệm thời gian đi lại, có thể thao tác tại nhà để nộp hồ sơ online, phân tích kỹ những ưu điểm khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Kết quả: thời gian qua, tỷ lệ người dân, nhất là một số công dân cao tuổi cũng đã thấu hiểu hơn và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, xã đã thực hiện tốt việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp, trong đó tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến đạt 100%. Đã tiếp nhận 9.060

hồ sơ. Đã giải quyết và trả kết quả cho công dân được 8.885 hồ sơ, đúng hạn và trước hạn là 8.814 hồ sơ, đạt 99,2%; quá hạn là 64 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 0,8%. Hiện số hồ sơ đang trong quá trình giải quyết là 175 hồ sơ. Đã thực hiện tiếp nhận thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính, tuy nhiên, quý 1/2026, xã chưa phát sinh hồ sơ phi địa giới.

Mô hình "Bình dân học vụ số" được triển khai rộng khắp, hiệu quả thiết thực trong toàn xã, đã có trên 300 lượt cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hợp đồng trong các phòng, ban, ngành, đơn vị xã tham gia các khóa học bình dân học vụ số; trên 20 nghìn người dân đã tham gia khóa học bình dân học vụ số trên nền tảng số học đại trà (MOSc). Tổ công nghệ số cộng đồng xã được thành lập, kiện toàn và hoạt động hiệu quả, trực tiếp hỗ trợ được trên 500 người dân trong việc tiếp cận công nghệ số, nền tảng số, dịch vụ số, nhất là dịch vụ công thiết yếu.

1. 4. Hạ tầng số và an toàn thông tin

a) Trang thiết bị, hệ thống mạng, phần mềm phục vụ chuyển đổi số

- UBND xã đã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, doanh nghiệp viễn thông VIETTEL, VNPT,... rà soát tạ tầng công nghệ toàn xã. Qua đó, đánh giá thực trạng hạ tầng công nghệ, có phương án đầu tư nâng cấp về cấu hình, đường truyền, mạng LAN, thiết bị CPU, thiết bị lưu điện,... nhằm cơ bản đảm bảo hạ tầng công nghệ đáp ứng được yêu cầu công việc.

- Kết quả rà soát: Hiện nay, UBND xã có 38 cán bộ, công chức, viên chức, làm việc chuyên môn tại các phòng: Văn hóa - Xã hội; Kinh tế; Trung tâm Phục vụ HCC; Văn phòng HĐND-UBND và Trung tâm Dịch vụ Văn hóa - Xã hội xã. Trong đó, có 38/38 cán bộ, công chức, viên chức có máy tính phục vụ công tác (cả máy cây và máy tính xách tay). Đa phần máy tính, máy in, máy phô tô, máy scan được sử dụng là mang từ các cơ quan, đơn vị công tác cũ về, thời hạn dùng thường từ 05 năm trở lên, thậm chí có máy đã dùng trên 10 năm, hoặc lâu hơn, chưa được nâng cấp. Qua rà soát thực tế, có 20/38 máy đã quá cũ, cấu hình thấp, không đáp ứng nhu cầu công việc trong thời đại số, cần được thay thế; có 01/38 máy vẫn tạm dùng được, nhưng cần được nâng cấp kịp thời; có 07/38 máy có thể đáp ứng nhiệm vụ công việc.

- Trong thời gian bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, xã đã đầu tư 01 máy tích mới, cơ bản đảm bảo các tiêu chuẩn, để phục vụ riêng công tác bầu cử.

- Xã Đại Đồng hiện đang dùng hệ thống mạng LAN, wifi tập trung, có một số ít máy được trang bị phần mềm phòng, chống mã độc, nhưng hiện đã gần hết hạn. Mạng LAN, wifi nhiều khi tốc độ đường truyền chậm, nghẽn mạng, hay bị mất mạng, làm chậm và gián đoạn công việc, ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng công việc. Tuy nhiên trong 06 tháng đầu năm, UBND xã đã tiến hành rà soát, quyết định đầu tư, nâng cấp mạng LAN (tiến hành trong 6 tháng cuối năm 2026).

- Đài truyền thanh xã Đại Đồng được thành lập trên cơ sở của 3 đài xã cũ, gồm: Đại Đồng, Việt Hưng, Lương Tài. Hiện nay cơ sở vật chất phục vụ công tác truyền thanh cơ sở của Đài truyền thanh xã cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc. Trong quý 1, xã đã tiến hành nâng cấp hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông xã, tiến hành nâng cấp cho 09 cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông tại các thôn, lắp thêm 03 cụm loa mới ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, tổng số cụm loa toàn xã giờ là 51 cụm loa, được đặt tại 27 thôn trong xã, cơ bản đáp ứng tiếp sóng, phát loa hàng ngay, kịp thời thông tin tuyên truyền đến người dân với đường truyền ổn định, âm lượng vang và to rõ ràng.

- Năm 2026, xã được UBND tỉnh đã duyệt, cấp kinh phí xấp xỉ 2,3 tỷ, trong đó:

+ Kinh phí tập huấn: 300 triệu đồng;

+ Kinh phí Hạ tầng CNTT (mạng LAN,...): 850 triệu đồng;

+ Kinh phí chuyển đổi số Giáo dục: 360 triệu đồng;

+ Kinh phí triển khai 02 mô hình ứng dụng công nghệ: 1.030 triệu đồng.

- UBND xã Đại Đồng đã cân đối, bố trí kinh phí địa phương 1,2 tỷ đồng dành cho đầu tư, mua sắm trang thiết bị hạ tầng CNTT, máy tính, máy in,... Hiện tại đang triển khai thực hiện hạ tầng mạng LAN theo chuẩn cấp độ 2 của Bộ Công an và đang triển khai lắp đặt máy móc trang thiết bị phục vụ nhu cầu làm việc của cán bộ công chức, viên chức, phục vụ chuyển đổi số.

- Nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, năm 2026 UBND xã đã lập Tờ trình, hồ sơ đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh phê duyệt, cấp kinh phí: 650 triệu đồng.

b) Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin

Căn cứ chắc năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền và căn cứ đề nghị của cấp có thẩm quyền, UBND xã xây dựng, ban hành văn bản góp ý, đề xuất về cơ chế, chính sách để triển khai các nhiệm vụ về lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Công an xã là cơ quan chủ trì, tham mưu, đề xuất, triển khai kế hoạch đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

UBND xã đã chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm dịch vụ Văn hóa - Xã hội tập trung, lồng ghép tuyên truyền về các kỹ năng số, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin, nâng cao trách nhiệm trong tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin trên môi trường số. Một số máy tính cá nhân của cán bộ, công chức, viên chức cũng được cài đặt phần mềm diệt virut.

- Hiện nay, xã đã tiến hành đấu nối hệ thống tường lửa tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.

- UBND xã Đại Đồng luôn sâu sát trong công tác đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, thường xuyên rà soát hạ tầng máy móc thiết bị, phần mềm

phòng, chống mã độc, cụ thể:

- Đã triển khai cài đặt phần mềm phòng chống mã độc (BKAV, SMART IR, Kaspersky). Năm 2026, rà soát, đăng ký với Sở Khoa học và Công nghệ, tiếp tục cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc SMART IR cho 100% máy tính thuộc các phòng, ban, đơn vị xã (do phần mềm cũ đã sắp hết hạn).

- Tham gia tập huấn, diễn tập thực chiến theo triệu tập của cấp trên.

- Đã ban hành Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 về việc ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng hệ thống mạng thông tin xã Đại Đồng;

- Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 25/5/2026 về việc đề nghị Công an tỉnh phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin mạng nội bộ (mạng LAN) cấp độ 2 tại UBND xã Đại Đồng, kèm theo Hồ sơ cấp độ của xã Đại Đồng.

- Từ ngày 01/7/2025 đến 31/5/2026, trên địa bàn xã chưa ghi nhận phát sinh sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng nghiêm trọng.

1. 5. Nguồn lực, kinh phí cho phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã

a) Đăng ký tập huấn, nhân lực và kinh phí dành cho KHCN, ĐMST, CĐS

- Về nguồn nhân lực số: Để kịp thời triển khai các nhiệm vụ hiệu quả, UBND xã đã bố trí 01 Phó trưởng phòng, kiêm nhiệm (thuộc phòng Văn hóa - Xã hội) thực hiện nhiệm vụ về công tác tham mưu, triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. UBND xã đã chỉ đạo các phòng, ngành, đơn vị thuộc xã cử cán bộ đầu mối phụ trách công tác chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị; đã tiến hành rà soát, lập danh sách gửi tỉnh báo cáo về nhân lực phụ trách triển khai công tác chuyển đổi số toàn xã; đã rà soát, lập danh sách cử đầu mối phụ trách khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gửi tỉnh; đã ban hành Quyết định thành lập Tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong thủ tục hành chính; đã tiến hành rà soát nhân lực phụ trách, vận hành Đài truyền thanh xã,... Qua đó, cơ bản góp phần thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về chuyển đổi số.

- Đã cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số. Hiện xã có 01 công chức thuộc Phòng Văn hóa - Xã hội đang theo học văn bằng 2 về công nghệ thông tin theo kế hoạch triệu tập của Sở nội vụ tỉnh, thời gian học là 02 năm.

- Về kinh phí dành cho phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Năm 2026, xã được UBND tỉnh đã duyệt, cấp kinh phí xấp xỉ 2,3 tỷ, trong đó:

+ Kinh phí tập huấn: 300 triệu đồng;

+ Kinh phí Hạ tầng CNTT (mạng LAN,...): 850 triệu đồng;

+ Kinh phí chuyển đổi số Giáo dục: 360 triệu đồng;

+ Kinh phí triển khai 02 mô hình ứng dụng công nghệ: 1.030 triệu đồng.

- UBND xã Đại Đồng đã cân đối, bố trí kinh phí địa phương 1,2 tỷ đồng dành cho đầu tư, mua sắm trang thiết bị hạ tầng CNTT, máy tính, máy in,... Hiện tại đang triển khai thực hiện hạ tầng mạng LAN theo chuẩn cấp độ 2 của Bộ Công an và đang triển khai lắp đặt máy móc trang thiết bị phục vụ nhu cầu làm việc của cán bộ công chức, viên chức, phục vụ chuyển đổi số.

- Nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, năm 2026 UBND xã đã lập Tờ trình, hồ sơ đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh phê duyệt, cấp kinh phí: 650 triệu đồng.

b) Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

Cơ bản, cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị, các cơ sở Y tế, Giáo dục đều đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số, tuy nhiên trình độ, kỹ năng chuyển đổi số chưa đồng đều, do độ tuổi, do môi trường, nhiệm vụ, công việc được giao. Cơ sở hạ tầng công nghệ hiện tại mới chỉ đáp ứng về điều kiện cơ bản, cần phải đầu tư, nâng cấp (máy móc, thiết bị, mạng LAN, phần mềm phòng, chống mã độc, cấu hình, ram, CPU,...) để đồng bộ hơn.

1. 6. Kết quả các nhiệm vụ chuyển đổi số khác của cơ quan, đơn vị

- Cơ sở dữ liệu hộ tịch: 100% hồ sơ đăng ký hộ tịch được nhập, quản lý trên phần mềm đăng ký hộ tịch quốc gia. Xã đã tiếp nhận và xử lý trực tuyến 2.127/2.203 hồ sơ hộ tịch (khai sinh, khai tử, kết hôn), đạt 96,6%; 100% hồ sơ được số hóa và lưu trữ trên hệ thống điện tử.

- Cơ sở dữ liệu dân cư, TTHC: Tiếp nhận và xử lý 100% hồ sơ.

- Cơ sở dữ liệu đất đai: Đã tiếp nhận, xử lý trực tuyến 534/535 hồ sơ, đạt tỷ lệ 99,8%.

- Cơ sở dữ liệu về bảo trợ xã hội: Đã tiếp nhận, xử lý 585/599 hồ sơ, đạt tỷ lệ 97,7%.

- Cơ sở dữ liệu về người có công: Đã tiếp nhận, xử lý 78/80 hồ sơ, đạt tỷ lệ 97,5%.

- Cơ sở dữ liệu về đăng ký kinh doanh: Đã tiếp nhận, xử lý 680/680 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%.

- Cơ sở dữ liệu phần mềm giáo dục: đã sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý nhân sự PMIS, quản lý thư viện VEMIS, phần mềm công tác bán trú, quản lý kế toán, quản lý thông kê EMIS, phần mềm phổ cập giáo dục, phần mềm tuyển sinh, phần mềm "Trường học kết nối", phần mềm Enetviet, phần mềm Micosoft Teams 365, phần mềm Vnedu, phần mềm "Học liệu số đa phương tiện - Digibooks", ứng dụng liên lạc điện tử,...

2. Tình hình cụ thể hóa và triển khai thực hiện các cơ chế chính sách

Nhằm tiếp tục cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao tại các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp, ngành trên địa bàn xã, theo phương châm mục tiêu đảm bảo hiệu quả, phù hợp thực tiễn địa phương, nên trong 6 tháng đầu năm 2026, Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng đã ban hành 90 văn bản để chỉ đạo, hướng dẫn các phòng, ngành, đơn vị xã, các cơ sở giáo dục trong xã, các thôn trong toàn xã triển khai thực hiện kịp thời các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phù hợp với điều kiện tình hình của địa phương, cơ quan, đơn vị, đảm bảo hiệu quả. Trong đó, có những văn bản trọng tâm, xuyên suốt quá trình chỉ đạo, triển khai thực hiện như:

- Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 30/01/2026 của UBND xã về tổ chức hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng;

- Kế hoạch số 29/KH -UBND ngày 06/02/2026 của UBND xã Đại Đồng về triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số xã năm 2026;

- Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 09/02/2026 của UBND xã về triển khai phong trào "Bình dân học vụ số" năm 2026 trên địa bàn xã Đại Đồng;

- Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 29/5/2026 của UBDN xã về đảm bảo an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu xã Đ Đ;

- Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 02/6/2026 của UBND xã về triển khai QĐ số 433/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa ban xã Đại Đồng;

- Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 02/6/2026 của UBND xã về phát động phong trào thi đua "Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số" năm 2026 xã Đại Đồng;

- Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 06/3/2026 của UBND xã về thành lập Hội đồng sáng kiến xã Đại Đồng năm 2026;

- Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 của UBND xã về kiện toàn Tổ ứng cứu Công nghệ và Nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết TTHC xã;

- Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 của UBND xã về thành lập HĐKH xã Đại Đồng;

- Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 của UBND xã về ban hành Quy chế xét, công nhận sáng kiến năm học 2025-2026;

- Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 06/5/2026 của UBND xã về kiện toàn BCĐ của UBND xã về phát triển khoa học, công nghệ, ĐMST và CĐS;

- Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 08/5/2026 của UBND xã về thành lập Tổ thẩm định sáng kiến năm 2025-2026;

- Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 19.5/2026 của UBND xã về việc công nhận sáng kiến năm học 2025-2026;

- Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 của UBND xã về ban

hành Quy chế Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng hệ thống mạng thông tin xã Đại Đồng;

- Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 25/5/2026 của UBND xã về đề nghị thẩm định phê duyệt hồ sơ cấp độ 2 an toàn hệ thống thông tin mạng nội bộ (LAN) của UBND xã Đại Đồng.

Chi tiết cụ thể các văn bản UBND xã đã ban hành theo Phụ lục 1.

(Phụ lục 1 các văn bản UBND xã đã ban hành)

3. Kết quả hoạt động quản lý Nhà nước trong lĩnh vực KH,CN, ĐMST, CĐS tác động đến phát triển kinh tế - xã hội xã

3. 1. Hoạt động khoa học công nghệ

Ủy ban nhân dân xã đã đẩy mạnh công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động khoa học và công nghệ. Một số mô hình sản xuất, chăn nuôi bước đầu đã và đang tiếp nhận, ứng dụng công nghệ hiệu quả, như: Hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ Xuân Đào, chuyên trồng các loại hoa, cây dược liệu, cây cảnh,... trong đó có sản phẩm hoa cúc chi đã ứng dụng công nghệ sấy khô, đóng gói, in nhãn mác, bảo quản,...; Hợp tác xã Sen Việt Hưng, đạt tiêu chuẩn VIETGAP, đã ứng dụng công nghệ sấy khô, công nghệ bảo quản, chế biến hạt sen,... Hợp tác xã dược liệu Sầm Khúc, chuyên về dược liệu, đã ứng dụng công nghệ sinh học trong sấy khô và bảo quản sản phẩm; Trang trại nuôi gà thịt Sầm Khúc, chuyên cung cấp gà thịt ra thị trường, đã ứng dụng công nghệ về chăn nuôi gà, về bảo quản thức ăn chăn nuôi,... mô hình nuôi cua đồng, nuôi cá trắm đen ở Phả Lê, đã ứng dụng công nghệ chăn nuôi và bảo quản thức ăn chăn nuôi; mô hình sản xuất rượu Hải Tửu ứng dụng công nghệ nấu, bảo quản, đóng chai và rán nhãn mác sản phẩm, làng nghề đúc đồng Lộng Thượng ứng dụng công nghệ đúc khuôn, phủ bóng, nhãn mác thương hiệu sản phẩm. Hiện nay, xã đã và đang triển khai ứng dụng 02 mô hình đã được tỉnh phê duyệt kinh phí là 1.030 triệu đồng, đó là mô hình nuôi gà Đông Tảo lai đảm bảo an toàn sinh học, bảo vệ môi trường; mô hình liên kết sản xuất giống củ khoai tây Atlantic từ củ giống khí canh.

3. 2. Hoạt động đổi mới sáng tạo

Với quan điểm: đổi mới sáng tạo không nhất thiết phải là những giải pháp công nghệ phức tạp mà trước hết là đổi mới trong tư duy, cách làm, nhằm xây dựng một chính quyền gần dân, phục vụ nhân dân, nâng cao mức độ hài lòng của Nhân dân đối với hoạt động của chính quyền. Trong thời gian qua UBND xã đã triển khai các phương thức, cách thức đổi mới như: đổi mới trong cách thực giải quyết thủ tục hành chính, cắt giảm các loại giấy tờ không cần thiết, thực hiện số hóa kết quả, tái sử dụng kết quả số hóa cho các thủ tục hành chính khác; triển khai việc liên thông các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa; hướng dẫn công dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến; đổi mới trong cách thức triển khai công việc nội bộ giữa các cơ quan nhà nước qua việc ứng dụng các nền tảng số như

Zalo, email… để triển khai công việc; đổi mới để chính quyền gần nhân dân hơn thông qua các nền tảng số Zalo nhóm, zalo cộng đồng, Email, hệ thống phần mềm phản ánh kiến nghị, dịch vụ công… người dân có thể phản ánh, thông tin với chính quyền về các hoạt động quản lý, điều hành; để từ đó chinh quyền sẽ có những điều chỉnh, hài hòa, đưa hoạt động của chính quyền đi vào thực tiễn là phục vụ người dân và doanh nghiệp.

3. 3. Công tác chuyển đổi số

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực Chuyển đổi số. UBND xã đã chủ động rà soát hạ tầng CNTT, trang thiết bị máy móc, kịp thời nâng cấp, sữa chữa những trang bị xuống cấp, yếu, kém và đầu tư, lắp đặt hạ tầng CNTT, mạng LAN, wifi, đảm bảo theo tiêu chuẩn cấp độ, nhằm hoàn thiện hệ thống mạng LAN với nguồn kinh phí 850 triệu; bố trí kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (xấp xỉ 1,2 tỷ); đề nghị tỉnh tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông xã, thôn với tổng kinh phí đề nghị là 650 triệu đồng; đã đề nghị tỉnh tiếp tục cấp kinh phí hoạt động KH,CN, ĐMST, CĐS cho xã năm 2027 là 2,3 tỷ đồng.

Đã tiếp tục phối hợp thực hiện 58 tiêu chí chuyển đổi số; các nhiệm vụ về chuyển đổi số theo Quyết định, Kế hoạch, các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; đã rà soát, đăng ký với tỉnh 02 mô hình chuyển đổi số thực hiện trong năm 2026, 2027, gồm: Mô hình lắp đặt wifi (mạng miễn phí), màn hình họp trực tuyến tới các thôn trong xã; mô hình hệ thống mạng LAN chuẩn cấp độ 2 của xã. Đã đăng ký thêm 01 kênh TSLCD năm 2027 và giai đoạn 2028-2030 với băng thông 10 Mbps; hoàn thành rà soát 4.186 văn bản đến và 1.503 văn bản đi của xã được phát hành trên môi trường điện tử; rà soát toàn xã có 8,779km đường đã được ngầm hóa cáp viên thông. Thành lập Hội đồng Khoa học và Công nghệ; Hội đồng Sáng kiến xã. Đã tiếp nhận, tổ chức chấm điểm, công nhận 34 sáng kiến cấp xã và công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng cho 21 sáng kiến của các cá nhân ngành Giáo dục năm học 2025-2026.

UBND xã đã chủ động rà soát, đề nghị cấp mới Email công vụ cho 76 đồng chí (bao gồm cả đơn vị sự nghiệp xã); đề nghị cấp mới, thay đổi thông tin, gia hạn thông tin và cấp đổi mật khẩu chữ ký số công vụ cho 03 tổ chức, 50 cá nhân. Hiện nay tỷ lệ chữ ký số của xã đang đứng thứ 18/104 xã, phường. 100% các doanh nghiệp trên địa bàn đã ứng dụng các nền tảng số vào hoạt động sản xuất, kinh doanh như: phần mềm kế toán, thuế điện tử, khai báo bảo hiểm xã hội… đã và đang triển khai nâng cấp hệ thống quản lý Nhà nước SMAS 4.0 tại các cơ sở Giáo dục và Đào tạo. 100% các trường học đã thực hiện giáo án điện tử, lập bảng điện tử, vận dụng linh hoạt công nghệ AI trong dạy và học. Cơ sở dữ liệu phần mềm giáo dục được sử dụng hiệu quả, như phần mềm quản lý nhân sự

PMIS, quản lý thư viện VEMIS, phần mềm công tác bán trú, quản lý kế toán, quản lý thông kê EMIS, phần mềm phổ cập giáo dục, phần mềm tuyển sinh, phần mềm "Trường học kết nối", phần mềm Enetviet, phần mềm Micosoft Teams 365, phần mềm Vnedu, phần mềm "Học liệu số đa phương tiện - Digibooks", ứng dụng liên lạc điện tử,... Đã thực hiện hiệu quả cơ sở dữ liệu dân cư, TTHC. Đã tiếp nhận, xử lý trực tuyến 534/535 hồ sơ cơ sở dữ liệu đất đai, đạt tỷ lệ 99,8%; đã tiếp nhận, xử lý 585/599 hồ sơ cơ sở dữ liệu về bảo trợ xã hội, đạt tỷ lệ 97,7%. Đã tiếp nhận, xử lý 78/80 hồ sơ cơ sở dữ liệu về người có công, đạt tỷ lệ 97,5%. Đã tiếp nhận, xử lý 680/680 hồ sơ cơ sở dữ liệu về đăng ký kinh doanh, đạt tỷ lệ 100%. đã kích hoạt định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 được 82%.

Thực hiện hiệu quả công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; đã ban hành Quyết định ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; hoàn thành hồ sơ đề xuất cấp độ 2 về bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, đã trình và được Công an tỉnh phê duyệt, trong đó chú trọng đảm bảo, vận hành, khai thác 04 hệ thống thông tin: Hệ thống mạng nội bộ (mạng LAN), thiết bị đầu cuối và kết nối internet; hệ thống phần mềm dung chung do cơ quan cấp trên quản lý và vận hành (Phần mềm quản lý văn bản và điều hành, Cổng thông tin điện tử xã, phần mềm điện tử một cửa).

4. Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, phát triển tiềm lực KH,CN, ĐMST và CĐS

4.1. Đánh giá tình hình sắp xếp, tinh gọn đội ngũ làm công tác KH,CN, ĐMST&CĐS

Để kịp thời triển khai các nhiệm vụ hiệu quả, UBND xã đã bố trí 01 Phó trưởng phòng, kiêm nhiệm (thuộc phòng Văn hóa - Xã hội) thực hiện nhiệm vụ về công tác tham mưu, triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. UBND xã đã chỉ đạo các phòng, ngành, đơn vị thuộc xã cử cán bộ đầu mối phụ trách công tác chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị; đã tiến hành rà soát, lập danh sách gửi tỉnh báo cáo về nhân lực phụ trách triển khai công tác chuyển đổi số toàn xã; đã rà soát, lập danh sách cử đầu mối phụ trách khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gửi tỉnh; đã ban hành Quyết định thành lập Tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong thủ tục hành chính; đã tiến hành rà soát nhân lực phụ trách, vận hành Đài truyền thanh xã,... Qua đó, cơ bản góp phần thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về chuyển đổi số.

4.2. Đánh giá tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách, thu hút, trọng dụng đội ngũ nhân lực làm nhiệm vụ KH,CN,ĐMST&CĐS

UBND xã đã ban hành văn bản số số 394/UBND-VHXH ngày 01/4/2026 của UBND xã về triển khai Nghị quyết số 798/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 và Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 23/02/2026 của UBND tỉnh về chính sách

thu hút, trọng dụng nhân tài trên địa bàn xã, nhằm thu hút đội ngũ cán bộ được đào tạo chuyên sâu về CNTT làm trong cơ quan cấp xã. Đã cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số. Hiện xã có 01 công chức thuộc Phòng Văn hóa - Xã hội đang theo học văn bằng 2 về công nghệ thông tin theo kế hoạch triệu tập của Sở nội vụ tỉnh, thời gian học là 02 năm.

4. 3. Đánh giá kết quả hạ tầng KH,CN, ĐMSt&CĐS

UBND xã đã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, doanh nghiệp viễn thông VIETTEL, VNPT,... rà soát tạ tầng công nghệ toàn xã. Qua đó, đánh giá thực trạng hạ tầng công nghệ, có phương án đầu tư nâng cấp về cấu hình, đường truyền, mạng LAN, thiết bị CPU, thiết bị lưu điện,... nhằm cơ bản đảm bảo hạ tầng công nghệ đáp ứng được yêu cầu công việc. Xã Đại Đồng hiện đang dùng hệ thống mạng LAN, wifi tập trung, có một số ít máy được trang bị phần mềm phòng, chống mã độc, nhưng hiện đã gần hết hạn. Mạng LAN, wifi nhiều khi tốc độ đường truyền chậm, nghẽn mạng, hay bị mất mạng, làm chậm và gián đoạn công việc, ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng công việc. Tuy nhiên trong 06 tháng đầu năm, UBND xã đã tiến hành rà soát, quyết định đầu tư, nâng cấp mạng LAN (tiến hành trong 6 tháng cuối năm 2026). Hạ tầng Đài truyền thanh xã cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc. Xã đã tiến hành nâng cấp hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông xã, tiến hành nâng cấp cho 09 cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông tại các thôn, lắp thêm 03 cụm loa mới ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, tổng số cụm loa toàn xã giờ là 51 cụm loa, được đặt tại 11 thôn trong xã, cơ bản đáp ứng tiếp sóng, phát loa hàng ngay, kịp thời thông tin tuyên truyền đến người dân với đường truyền ổn định, âm lượng vang và to rõ ràng. Năm 2026, xã được UBND tỉnh đã duyệt, cấp kinh phí xấp xỉ 2,3 tỷ để đầu tư, nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị, phục vụ hoạt động KH,CN,ĐMST &CĐS. UBND xã Đại Đồng đã cân đối, bố trí kinh phí địa phương 1,2 tỷ đồng dành cho đầu tư, mua sắm trang thiết bị hạ tầng CNTT, máy tính, máy in,... Hiện tại đang triển khai thực hiện hạ tầng mạng LAN theo chuẩn cấp độ 2 của Bộ Công an và đang triển khai lắp đặt máy móc trang thiết bị phục vụ nhu cầu làm việc của cán bộ công chức, viên chức, phục vụ chuyển đổi số.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÂN BỔ, GIẢI NGÂN NSNN CHO KH,CN, ĐMST&CĐS

Nhằm kịp thời đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT, bổ sung các trang thiết bị, máy móc (máy tính, máy in, máy scan,...), Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng đã ban hành: Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 27/10/2025 về phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã Đại Đồng năm 2026; Tờ trình số 105/TTr-UBND 29/10/2025 Tờ trình về việc đề xuất nhiệm vụ chuyển đổi số 2026. Ngày

29/10/2025, Ủy ban nhân dân xã đã hoàn thành 03 bản thuyết minh nhiệm vụ để gửi Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cấp kinh phí, gồm: Bản thuyết minh số 32/KHAC-UBND Bản thuyết minh nâng cấp hạ tầng công nghệ; Bản thuyết minh số 33/KHAC-UBND Bản thuyết minh nâng cấp hệ thống truyền thanh ứng dụng CNTT-VT; Bản thuyết minh số 34/KHAC-UBND Bản thuyết minh về công tác tuyên truyền, tập huấn. Kết quả, UBND tỉnh phê duyệt cấp kinh phí cho UBND xã:

- Kinh phí tập huấn: 300 triệu đồng;

- Kinh phí Hạ tầng CNTT (mạng LAN,...): 850 triệu đồng;

- Kinh phí chuyển đổi số Giáo dục: 360 triệu đồng;

- Kinh phí triển khai 02 mô hình ứng dụng công nghệ: 1.030 triệu đồng.

- UBND xã Đại Đồng đã cân đối, bố trí kinh phí địa phương 1,2 tỷ đồng dành cho đầu tư, mua sắm trang thiết bị hạ tầng CNTT, máy tính, máy in,... Hiện tại đang triển khai thực hiện hạ tầng mạng LAN theo chuẩn cấp độ 2 của Bộ Công an và đang triển khai lắp đặt máy móc trang thiết bị phục vụ nhu cầu làm việc của cán bộ công chức, viên chức, phục vụ chuyển đổi số.

(Nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, năm 2026 UBND xã đã lập Tờ trình, hồ sơ đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh phê duyệt, cấp kinh phí: 650 triệu đồng. đã đề nghị tỉnh tiếp tục cấp kinh phí hoạt động KHCN, ĐMST, CĐS cho xã năm 2027 là 2,3 tỷ đồng).

- Hiện nay, xã đang tiến hành hoàn thiện hồ sơ, tổ chức tập huấn, tổ chức tuyên truyền, giải ngân kinh phí tập huấn, tuyên truyền (300 triệu đồng); đã làm việc với doanh nghiệp viễn thông VNPT để tiến hành giải ngân nguồn vốn đầu tư, nâng cấp mạng LAN,... (850 triệu đồng).

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc

- Nguồn nhân lực cho công tác tham mưu, thực hiện về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn thiếu (có hợp đồng 01 đồng chí), nhưng thiếu cán bộ chuyên trách, hiện nay đang là công chức kiêm nhiệm. Trình độ và kỹ năng số của cán bộ, công chức, viên chức và người dân chưa đồng đều.

- Hạ tầng CNTT, trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đã xuống cấp, tuy đã được đầu tư, nâng cấp một phần (tập trung tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã), nhưng việc triển khai các hoạt động đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ mới được thực hiện theo các gói nhỏ lẻ, chưa đồng bộ, chưa quy mô phủ khắp. Trong quá trình cán bộ vận hành, sử dụng, giải quyết công việc còn tình trạng trục trặc, treo máy, nghẽn mạng, tốc độ xử lý của

hệ thống Cổng DVCQG đôi lúc bị chậm; Tốc độ tải biểu mẫu, đính kèm hồ sơ còn chậm. Việc cung cấp, tiếp nhận và xử lý các thủ tục trên Cổng dịch vụ công trực tuyến đôi khi chưa thông suốt, nhanh, kịp thời.

- Còn một số bộ phận người dân, nhất là người cao tuổi có tâm lý e ngại thay đổi thói quen từ nộp hồ sơ giấy sang nộp hồ sơ điện tử, ngại tiếp cận CNTT, kỹ năng số.

2. Đề xuất kiến nghị

Đề nghị UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, Ban chỉ đạo xã xem xét:

- Tiếp tục tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức cơ sở, nhất là người trực tiếp phụ trách công tác phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Nghiên cứu, xem xét, tiếp tục cụ thể hóa các danh mục nhiệm vụ chuyển đổi số của cấp xã và chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ về kinh phí dành cho công tác phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo đúng quy định, nhằm triển khai các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số một cách đồng bộ.

Phần II

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2027

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục tập trung nguồn lực để triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã, chú trọng vào các nhiệm vụ mang tính chủ đạo, theo chốt trong các lĩnh vực: khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số với các nhiệm vụ trọng tâm như: Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn, ưu tiên ứng dụng các mô hình thuộc lĩnh vực nông nghiệp (do đặc thù của xã gắn với hoạt động nông nghiệp); tiếp tục thực hiện hiệu quả nhiệm vụ về sở hữu trí tuệ; thực hiện tốt các nhiệm vụ về chính quyền số, xã hội hội, phát triển kinh tế số, nhằm ngày càng đáp ứng yêu cầu của thực tiễn trong xây dựng, củng cố chính quyền địa phương 02 cấp, góp phần xây dựng xã Đại Đồng sớm lên phường và giữ vững đơn vị hành chính loại 1 theo phân loại, chỉ đạo, hướng dẫn của UBND tỉnh.

2. Chỉ tiêu cụ thể trong năm 2027

- 100% cán bộ, công chức, viên chức xã tham gia, hoàn thành các lớp tập huấn, bồi dưỡng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức cơ bản ứng dụng, sử dụng được trợ lý ảo AI, phục vụ công việc.

- Duy trì tỷ lệ 100% chữ ký số.

- 70% - 80%hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước theo quy định).

- Phấn đấu, tỷ lệ số hóa kết quả TTHC và tỷ lệ thanh toán trực tuyến tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công đạt 100%.

- Phấn đấu số lượng doanh nghiệp được tiếp cận chương trình hỗ trợ chuyển đổi số đạt từ 40%-50%.

- Phấn đấu số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng nền tảng số đạt từ 25%-40%.

- Phấn đấu số lượng cơ sở giáo dục, y tế sử dụng nền tảng số đạt từ 40%-60%.

- Số hộ gia đình có khả năng tiếp cận Internet cáp quang với tốc độ 1 Gb/s đjat tỷ lệ 72%-75%, không còn vùng trũng, lõm sóng.

- 100% văn bản được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử của cơ quan hành chính Nhà nước cấp xã (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật Nhà nước theo quy định).

- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.

- Thực hiện áp dụng danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh tại cơ quan cấp xã theo hướng dẫn; tích hợp, liên thông, đồng bộ các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp,...) trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu.

3. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

3.1. Tiếp tục bố trí kinh phí để đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT, các hệ thống thông tin; hoàn thiện tích hợp, chia sẻ dữ liệu; mở rộng kết nối với CSDL quốc gia. Có kế hoạch tuyển dụng, bố trí nguồn nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ cho công tác tham mưu thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

3.2. Tiếp tục đẩy mạnh kết nối, liên thông dữ liệu, ứng dụng phục vụ chỉ đạo, điều hành của chính quyền bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí, đáp ứng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; đẩy mạnh công tác rà soát, chuẩn hóa dữ liệu nhằm thực hiện đồng bộ dữ liệu CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành tối ưu hóa quy trình, giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo người dân chỉ kê khai thông tin một lần khi giải quyết các thủ tục hành chính.

3.3. Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định, phục vụ tái sử dụng thông tin, dữ liệu, thuận tiện cho người dân,

doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính. Tổ chức kết nối, chia sẻ dữ liệu số hóa với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tái sử dụng thông tin khi người dân, doanh nghiệp thực hiện các TTHC khác mà không phải cung cấp lại thông tin đã có.

3.4. Tăng cường công tác tuyên truyền để người dân hiểu, sử dụng hiệu quả Dịch vụ công trực tuyến; hướng dẫn cụ thể cho người dân, nhất là người lớn tuổi, người không rành công nghệ có thể nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Khi người dân nộp trực tuyến hồ sơ, các quy trình giải quyết hồ sơ, số hóa hồ sơ, số hóa kết quả sẽ rất nhanh và hiệu quả, giảm áp lực cho cán bộ tiếp nhận và xử lý hồ sơ.

3.5. Phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, xác định nhu cầu đào tạo, tập huấn kỹ năng số và vận hành hệ thống thông tin mới của cán bộ, công chức, viên chức theo từng lĩnh vực, cấp hành chính và nhóm đối tượng sử dụng; Xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình, tổ chức đào tạo, tập huấn và báo cáo kết quả đào tạo để làm cơ sở đánh giá kết quả chuyển đổi số hằng năm và đề xuất kế hoạch đào tạo bổ sung trong giai đoạn tiếp theo.

3.6. Tăng cường ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ vào công tác quản lý Nhà nước, cải cách hành chính, giải quyết thủ tục hành chính; tiếp tục đề xuất các mô hình ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản; tuyên truyền khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị, điều hành, thực hiện nghiêm về sở hữu trí tuệ.

3.7. Hoàn thiện giải ngân đầu tư về hạ tầng mạng LAN, theo chuẩn cấp độ 2 của Bộ Công an; hoàn thành lắp wifi miễn phí tại các điểm truy cập công cộng thuộc các thôn, đầu tư màn hình họp trực tuyến tại 11 thôn. Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao kỹ năng số cho người dân thông qua mô hình "Bình dân học vụ số". Phát huy hiệu quả của Tổ công nghệ số cộng đồng xã, thôn.

3.8. Nghiên cứu, đề xuất đầu tư, nâng cấp, phát triển chuyển đổi số trong lĩnh vực Giáo dục và Y tế theo quy định, đảm bảo liên thông, đồng bộ; khai thác, vận hành hệ thống thu học phí trực tuyến theo cấp trên hướng dẫn.

Phần III

KẾ HOẠCH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2027

I. CĂN CỨ

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025; Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày

27/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KH,CN, ĐMST&CĐS quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/04/2025 về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028;

Căn cứ Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026-2030; Thực hiện Quyết định số 2244/QĐ-TTg ngày 13/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Kế hoạch số 44-KH/TU ngày 11/6/2025 của Tỉnh ủy Hưng Yên về hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 19/5/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP; Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về thực hiện Chiến lược phát triển KH,CN, ĐMST tỉnh đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 773/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 của HĐND tỉnh, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Kế hoạch thực hiện việc đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực chuyển đổi số, phát triển sản phẩm công nghệ số, công nghiệp an ninh mạng, công nghiệp bán dẫn, linh kiện điện tử trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 phê duyệt Chương trình phát triển thị trương KH&CN tỉnh Hưng Yên;

Thực hiện Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên năm 2026; Thực hiện Kế hoạch số 267/KH-UBND ngày 06/7/2026 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Quyết định số 1033/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Thực hiện Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 16/6/2026 của UBND tỉnh về tiếp tục quyết liệt đấu tranh, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh,

2. Nội dung đề xuất dự toán chi đầu tư phát triển cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027 (nguồn chi thường xuyên)

a) Đối với công tác KH,CN, ĐMST

- Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về KH,CN,ĐMST; chi thực hiện các

nhiệm vụ về KH,CN, ĐMST theo Chương trình KH,CN tỉnh triển khai; chi thực hiện các nhiệm vụ trong Nghị quyết số 57, Nghị quyết 71, các Quyết định, Kế hoạch của Tỉnh ủy, HĐND, Ủy ban nhân dân tỉnh phù hợp với địa phương;

- Ứng dụng công nghệ AI trong hệ thống Giáo dục - Đào tạo (hệ thống hóa điểm danh, kiểm diện vân tay, bài giảng, gia sư thông minh,...);

- Ứng dụng Công nghệ Nông nghiệp thông minh (cây trồng, vật nuôi kháng bệnh, mô hình chuyển giao công nghệ trồng ngô, lúa nếp, nuôi cua,...); đẩy mạnh hoạt động quảng bá thương hiệu của một số sản phẩm chủ lực (sản phẩm làng nghề, OCOP,...)

- Chi ứng dụng y tế và chăm sóc sức khỏe thông minh, đầu tư trang thiết bị để ứng dụng công nghệ AI trong khám chữa bệnh, phục vụ nhân dân;

- Chi hướng dẫn, hỗ trợ đăng ký bảo hộ cho sản phẩm, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý, phát triển tài sản trí tuệ

- Chi ứng dụng phần mềm về nguồn tin, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành (kết nối hệ thống dùng chung cơ quan nhà nước, ...)

b) Đối với công tác Chuyển đổi số

- Chi phát triển hạ tầng kỹ thuật CNTT: đầu tư, nâng cấp, thay chế các thiết bị CNTT, máy tính, máy in, máy Scan cũ, lạc hậu, chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn; nâng cấp, nâng cấp mạng nội bộ, đường truyền internet, đảm bảo kết nối thông suốt, an toàn thông tin, đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng hệ thống thông tin.

- Chi ứng dụng, khai thác các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung, phần mềm chuyên ngành, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị nhà nước và để khai thác, chia sẻ dữ liệu quốc gia về dân cư, dữ liệu thuế, bảo hiểm, y tế, giáo dục, lao động - thương binh - xã hội, tư pháp - hộ tịch,...

- Chi đảm bảo an toàn, an ninh thông tin: Tập huấn nâng cao kỹ năng nhận diện, nhận thức, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin (đầu tư thiết bị an toàn thông tin - bức từng lửa) ngăn thông tin độc hại xâm nhập, tránh để lộ, lọt thông tin; tiếp tục đầu tư nâng cấp, kiện toàn, quản lý, vận hành và chi hoạt động Cổng thông tin điện tử xã (duy trì hoạt động, kiểm soát, viết tin, biên tập, đăng tin, ...).

- Chi phổ cập kỹ năng số toàn dân, kỹ năng cơ bản về ứng dụng AI, hỗ trợ kinh phí sử dụng AI cho cán bộ, công chức, viên chức phục vụ công việc chuyên môn, tuân thủ đạo đức AI.

- Chi thực hiện số hóa di sản (số hóa một số di tích trên địa bàn xã); tích hợp hoặc kết nối trang website du lịch, nhằm xúc tiến, quảng bá du lịch trên nền tảng số.

3. Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách tỉnh; ngân sách địa phương.

- Nguồn xã hội hóa hợp pháp khác theo quy định (nếu có).
- Tổng dự toán ngân sách năm 2027: **6.710.000.000 đồng**

(Sáu tỷ bẩy trăm mười triệu đồng)

(Phụ lục 2: Dự toán kinh phí gửi kèm)

Trên đây là Kế hoạch dự toán ngân sách Dự toán ngân sách Khoa học, Công nghệ, Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số trên địa bàn xã Đại Đồng năm 2027. Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng trân trọng kính trình Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh xem xét, tổng hợp, cấp kinh phí./.

Nơi nhận:
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy - HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ ĐẠI ĐỒNG T.HƯNG YÊN

Trần Văn Thành